

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 17/05/2019
V/v “Ly hôn và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Minh

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yển, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thanh Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2018/HNGĐPT ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn và chia tài sản chung”;

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 20/08/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 781/2019/QĐ-PT ngày 24/04/2019 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn:

Ông Thạch Sa R, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Trà Tro A, xã HG, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

2/Bị đơn:

Bà Thạch Thị H, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Cóc Lách, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh.

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1/Ông Trần Văn P, sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.2/Ông Thạch Minh T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

3.3/Ông Thạch V, sinh năm 1982 (vắng mặt);

3.4/Ông Thạch V1, sinh năm 1980 (vắng mặt);

3.5/Ông Thạch N, sinh năm 1986 (vắng mặt);

3.6/Ông Thạch V2, sinh năm 1984 (vắng mặt);

3.7/Bà Trầm Thị B, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Cóc Lách, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh.

3.8/Ông Thạch R1 (đã chết vào năm 2013);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Thạch R1:

-Bà Trầm Thị B, Thạch Thị H, Thạch V, Thạch V1, Thạch N, Thạch V2 (là vợ và những người con của ông Thạch R1), đã tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách như đã nêu trên.

Cùng địa chỉ: ấp Cóc Lách, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh.

3.9/Ông Kiên Ngọc S, sinh năm 1971 (vắng mặt);

3.10/Bà Thạch Thị SR, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

3.11/Ông Thạch N1, sinh năm 1939 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Trà Tro C, xã HG, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp của ông Thạch N1 (văn bản ủy quyền ghi ngày 07/03/2017):

Ông Thạch Sa R, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: ấp Trà Tro A, xã HG, huyện TC, tỉnh Trà Vinh;

3.12/Bà Trầm Thị H1, sinh năm 1960 (vắng mặt);

3.13/Ông Trịnh Hoàng K, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp La Bang Chợ, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh.

3.14/Ông Huỳnh Văn S1, sinh năm 1956 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Mồ Côi, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh.

4/Người kháng cáo:

Ông Thạch Sa R, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thạch Sa R trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Thạch Sa R với bà Thạch Thị H tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 1993, đến ngày 12/6/1996 tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi nhau nên ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2008 đến nay. Nhận thấy vợ chồng không thể sống chung được nữa nên ông yêu cầu Tòa án xét xử ly hôn bà Hạnh.

Về con chung:

-Có một người con chung tên Thạch Minh T, sinh ngày 10/4/1993. Nay đã trưởng thành nên theo sống với cha hay mẹ do con quyết định.

Về tài sản chung:

-Diện tích đất 4.060m², thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Mồ Côi, xã ĐC, huyện TC (Nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn S1 vào năm 1994 với giá bằng 01 lượng 03 chỉ vàng 24kara.

-Diện tích đất 3.400m², thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Trầm Văn P vào năm 1997 với giá bằng 01 lượng vàng 24kara. Đến năm 2005, chị Hạnh tự ý chuyển nhượng lại cho bà Trầm Thị H1 mà không được sự đồng ý của anh;

-Diện tích đất 201m², thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, huyện TC, tỉnh Trà Vinh do vợ chồng nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị Sa Riêng vào năm 2006 với giá bằng 70.000.000 đồng. Trong thời gian ly thân, chị Hạnh tự ý chuyển nhượng cho ông Tài (Sơn) mà không được sự đồng ý của anh;

-Một chiếc xe máy hiệu Dream, biển số 84F7-3043 do anh đang quản lý, trị giá bằng 4.000.000 đồng;

Các tài sản nói trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung cho anh được hưởng $\frac{1}{2}$;

Về nợ chung:

-Từ năm 2003-2006, do vợ chồng lập trang trại nuôi bò không đủ vốn nay nhờ cha ruột của ông (là ông Thạch N1) đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện TC, số tiền là 30.000.000 đồng. Khoản tiền này, ông Nét đã trả cho Ngân hàng xong, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hạnh có trách nhiệm trả nợ, mỗi người trả cho ông Nét 15.000.000 đồng.

Bị đơn bà Thạch Thị H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Thạch Sa R như sau:

Bà Hạnh thừa nhận lời khai của ông Thạch SaRune về thời gian tổ chức đám cưới, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian sống chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ-chồng, là đúng; bà Hạnh cũng đồng ý ly hôn ông Thạch Sa R.

Về con chung:

-Có một người con tên Thạch Minh T, sinh ngày 10/4/1993 như ông Sa Rune trình bày là đúng. Người con đã trưởng thành nên theo sống với cha hay mẹ, là do con quyết định.

Về tài sản chung:

-Đối với diện tích đất 4.060m², thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Mồ Côi, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh: phần đất này có nguồn gốc do bà Yến (là bà ngoại của bà Hạnh) nhận chuyển nhượng của ông Suông. Sau đó, bà Yến tặng cho ông Thạch R1 (là cha của bà Hạnh). Sau đó, ông Riêne tặng cho riêng bà Hạnh nhưng để ông Sa Rune đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy, bà Hạnh không đồng ý chia phần đất này cho ông Sa Rune;

-Đối với diện tích đất 3.400m², thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh

Trà Vinh: nguồn gốc phần đất này do bà Yến (là bà ngoại của bà Hạnh) nhận chuyển nhượng của ông Phương. Sau đó, bà Yến tặng cho ông Thạch R1) và ông Riène tặng cho riêng bà Hạnh, nhưng để ông Sa Rune đứng tên tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2003, bà Hạnh làm thủ tục chuyển nhượng đất cho bà Trầm Thị H1 với giá 24.000.000 đồng. Vì vậy bà Hạnh không đồng ý chia cho phần đất này ông SaRune;

-Đối với diện tích đất 201m², thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh: nguồn gốc phần đất này do bà Hạnh nhận chuyển nhượng của bà Thạch Thị SR với giá 70.000.000 đồng. Khi nhận chuyển nhượng đất thì giữa bà Hạnh và ông Sa Rune đã sống ly thân. Đến năm 2007, bà Hạnh làm thủ tục chuyển nhượng đất lại cho ông Tài (Sơn) với giá 140.000.000 đồng. Vì vậy bà Hạnh không đồng ý chia cho phần đất này ông SaRune.

Ngoài những tài sản nói trên, khi vợ-chồng ly thân thì ông Sa Rune có quản lý một số tài sản chung, gồm có: 01 chiếc xe máy hiệu Dream, biển số 84F7-3043; 05 con bò cái; 03 con heo nái; 05 con heo lứa; 01 máy xới tay có rơ-móc kéo; 10 chỉ vàng 18kara; 01 căn nhà lợp tole, nền lát gạch cimen; chuồng bò và chuồng heo. Bà Hạnh không yêu cầu Tòa án giải quyết về những tài sản này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Thạch N1 trình bày:

Vào năm 2003, vợ chồng bà Hạnh-ông Sa Rune thành lập trang trại nuôi bò nhưng không đủ tiền nên nhờ ông đứng tên vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện TC, số tiền 48.000.000 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ, vợ chồng bà Hạnh-ông Sa Rune chỉ trả được 18.000.000 đồng; còn lại 30.000.000 đồng, ông Nết đã trả cho Ngân hàng thay cho ông Sa Rune.

Nay ông Nết yêu cầu Tòa án buộc bà Hạnh và ông Sa Rune, mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông số tiền là 15.000.000 đồng.

Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 01/12/2016, ông Nét có đơn rút toàn bộ yêu cầu độc lập nói trên và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án đối với yêu cầu độc lập của ông Nét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trâm Văn P trình bày:

Trước đây, ông có chuyển nhượng phần đất có diện tích 2,5 công tằm cấy cho bà Yến, nhưng không nhớ giá chuyển nhượng là bao nhiêu. Vào lúc đó, bà Hạnh ở chung với bà Yến. Sau khi bà Hạnh lập gia đình, thì bà Yến cho bà Hạnh phần đất này. Sự việc vợ chồng ông Phương lập tờ sang nhượng thành quả lao động với bà Hạnh và ông Sa Rune chỉ là để hợp thức hóa thủ tục chuyển nhượng theo yêu cầu của bà Yến.

Ông Phương không có tranh chấp về phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch V trình bày:

Ông Vũ không hùn tiền với bà Hạnh để nhận chuyển nhượng của bà Sa Riêng. Số tiền 20.000.000 đồng đó là do bà Hạnh mượn của ông và bà Hạnh đã trả xong; ông Vũ không có yêu cầu gì trong vụ án này;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch N trình bày:

Đối với diện tích đất 4.060m², thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Mồ Côi, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh: phần đất này do vợ chồng bà Hạnh cầm cố cho ông Hùng để lấy 15 chỉ vàng 24kara. Ông Hùng canh tác trên đất được một thời gian thì ông Nam đã bỏ ra 15 chỉ vàng 24kara để chuộc đất từ ông Hùng; ông Nam là người trực tiếp canh tác cho đến nay.

Nếu Tòa án giải quyết giao diện tích đất này cho ai thì yêu cầu người đó phải trả cho ông Nam 15 chỉ vàng 24kara.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thạch R1 (gồm bà Trâm Thị B, anh Thạch V, anh Thạch N, anh Thạch V1, anh Thạch V2 đã tham gia tố tụng với tư cách nói trên) trình bày:

Phần đất có diện tích 4.060m², thuộc thửa số 226, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Mồ Côi, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh

Trà Vinh là tài sản cho riêng bà Hạnh. Vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Hạnh được hưởng; các đương sự không đồng ý chia cho ông Sa Rune.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị SR trình bày:

Vào năm 2006, bà Sa Riêng có chuyển nhượng diện tích đất 201m², tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, cho bà Hạnh với giá 70.000.000 đồng. Lúc thỏa thuận chuyển nhượng đất và làm giấy tờ chuyển nhượng đất thì chỉ có một mình bà Hạnh. Khi trả tiền lần thứ nhất, bà Hạnh đi cùng với ông Sa Rune để trả 30.000.000 đồng; lần thứ hai, thì một mình bà Hạnh đến trả 35.000.000 đồng; lần thứ ba, ông SaRune đi cùng với cha của ông Sa Rune, trả 5.000.000 đồng.

Bà Sa Riêng không có ý kiến gì về phần đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Kiên Ngọc S (Tài) trình bày:

Vào tháng 11/2007, ông Sơn nhận chuyển nhượng đất của bà Hạnh, diện tích 201m², thuộc thửa số 1413, 1414, 1415, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh với giá 140.000.000 đồng. Ông Sơn đã giao tiền đủ và bà Hạnh đã giao đất để sử dụng. Cho đến nay, thủ tục sang tên cho ông Sơn đã xong, ông Sơn yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trâm Thị H1 trình bày:

Vào năm 2003, bà Hene nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng bà Hạnh-ông Sa Rune khoảng 03 công với giá 24.000.000 đồng. Bà Hene đã giao đủ tiền và bà Hạnh đã giao đất và làm thủ tục tên xong. Bà Hene yêu cầu được tiếp tục sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S1 trình bày:

Trước đây (không nhớ năm nào), ông có chuyển nhượng đất cho bà Hạnh, phần đất có diện tích 04 công, tọa lạc tại ấp Cóc Lách, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), nhưng không nhớ giá tiền chuyển nhượng. Vào đó, ông Suông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hai bên chỉ lập giấy tay, sau này mới hợp thức hóa thủ tục chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng đất

thì vợ chồng bà Hạnh-ông Sa Rune còn sống chung, nhưng việc trả tiền do chị Hạnh trả.

Nay, ông Suông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Minh T trình bày:

Ông là con ruột của ông Sa Rune và bà Hạnh. Hiện nay, ông Trí đã trưởng thành, yêu cầu chia đất ruộng để sinh sống và nuôi dưỡng bà Hạnh sau này; còn phần bên nội thì ông Trí không yêu cầu chia tài sản.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 20/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 147 Khoản 1 Điều 161; Khoản 2 Điều 165; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Khoản 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 8, 9 Điều 27 của Pháp lệnh về Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Thạch SaRune và bà Thạch Thị H.

2. Về con chung: Có một người con chung tên Thạch Minh T, sinh ngày 10/4/1993, hiện nay đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết việc giao con cho ai được quyền nuôi dưỡng, cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản chung của ông Thạch Sa R.

Buộc bà Thạch Thị H có nghĩa vụ chia tài sản chung là giá trị đất cho ông Thạch Sa R bằng 42.000.000 đồng.

Riêng các tài sản chung khác trong thời kỳ hôn nhân như đất ruộng, đất ở do cha mẹ ruột của ông Sa Rune tặng cho và 01 chiếc xe máy hiệu Dream, biển số 84F7-3043... do bà Hạnh không tranh chấp, chưa yêu cầu chia nên Tòa án chưa giải quyết. Bà Hạnh được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn ở bằng vụ án khác tại Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí giám định, thẩm định, định giá, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 27/08/2018, nguyên đơn là ông Thạch Sa R kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông Thạch SaRune được hưởng $\frac{1}{2}$ các tài sản như sau: diện tích đất 3.400m² thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh và diện tích đất 201m² thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, tại đơn kháng cáo, ông Thạch Sa R còn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Thạch Thị H phải chịu chi phí giám định chữ ký.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thạch SaRune trình bày cụ thể yêu cầu kháng cáo như sau:

-Kháng cáo về phần chia tài sản chung, yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ các tài sản như sau: phần đất có diện tích 3.400m² thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC (nay thuộc huyện DH), tỉnh Trà Vinh và phần đất có diện tích đất 201m² thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Về cách thức phân chia, ông Thạch Sa R yêu cầu phân chia số tài sản trên bằng cách chia hiện vật, không đồng ý cách chia giá trị tài sản.

Các đương sự khác tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng không có văn bản trình bày sự thay đổi ý kiến đã đưa ra trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án và các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng luật tố tụng;

Về nội dung giải quyết vụ án:

-Đối với tranh chấp về phần đất có diện tích 3.400m² thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC: mặc dù chữ ký tại hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 18/10/2005 không phải do ông Thạch Sa R ký ra, nhưng căn cứ vào các tình tiết khác trong vụ án, căn cứ vào Án lệ số 04/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao, thì có căn cứ xác định rằng ông Thạch Sa R biết việc bà Thạch Thị H chuyển nhượng phần đất này cho người khác (bà Hene). Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Thạch Sa R đòi chia phần đất này, là có căn cứ pháp luật;

-Đối với tranh chấp về phần đất có diện tích 201m² thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC: theo biên bản định giá ngày 15/09/2015, thì phần đất này có giá trị là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của bà Thạch Thị H về tổng số tiền đã nhận khi chuyển nhượng đất (là 140.000.000 đồng) để phân chia bằng tiền, cho ông Thạch Sa R, là chưa đúng pháp luật, chưa bảo đảm quyền lợi của ông Thạch Sa R;

-Đối với chi phí giám định chữ ký: -cơ quan công an kết luận rằng chữ ký tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác lập vào ngày 18/10/2005 không phải do ông Thạch Sa R ký ra. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Thạch Sa R phải chịu chi phí giám định chữ ký, là không đúng pháp luật.

Với những ý kiến nói trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận một phần

kháng cáo của ông Thạch Sa R, sửa bản án sơ thẩm về phần phân chia tài sản chung của ông Thạch Sa R và bà Thạch Thị H (phân chia lại giá trị quyền sử dụng phần đất có diện tích 201m² thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415 (thửa mới số 45), tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC và xác định bà Thạch Thị H là người phải chịu chi phí giám định chữ ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án cấp phúc thẩm đã mở phiên tòa phúc thẩm vào các ngày 26/12/2018; ngày 13/03/2019, nhưng bà Thạch Thị H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ngày 17/05/2019, bà Thạch Thị H vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc xét xử phúc thẩm vẫn được tiến hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Trong vụ án “*Ly hôn và chia tài sản chung*” giữa ông Thạch Sa R và bà Thạch Thị H, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử về ba mối quan hệ: mối quan hệ hôn nhân; mối quan hệ nuôi dưỡng con chung và mối quan hệ tài sản chung.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Thạch Sa R kháng cáo về phần chia tài sản chung của vợ-chồng; nội dung kháng cáo như đã nêu ở phần trên. Như vậy, phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị (phần giải quyết về mối quan hệ hôn nhân và mối quan hệ nuôi dưỡng con chung) đã có hiệu lực pháp luật, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm.

[3] Xét kháng cáo của ông Thạch Sa R về việc phân chia tài sản chung của ông Thạch Sa R và bà Thạch Thị H:

[3.1] Đối với tranh chấp về phần đất có diện tích 3.400m² thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp Sa Văng, xã ĐC, huyện TC:

Bản án sơ thẩm xác định rằng mặc dù ông Thạch Sa R không ký tên vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ghi ngày 18/10/2005, nhưng tại thời điểm này, ông Thạch Sa R và bà Thạch Thị H chưa ly thân với nhau, nên

phải biết việc bà Thạch Thị H chuyển nhượng đất (là tài sản chung của vợ-chồng) cho người khác. Lập luận này của bản án sơ thẩm chưa có căn cứ pháp luật, lý do như sau:

-Theo các tài liệu, chứng cứ của vụ án, thì có căn cứ xác định phần đất có diện tích 3.400m² thuộc thửa số 357, tờ bản đồ số 6, loại đất trồng lúa, là phần đất tọa lạc tại xã ĐC, huyện TC, trong khi đó, ông Thạch Sa R cư trú tại xã HG, huyện TC. Mặc dù cho rằng tại thời điểm lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (năm 2005), ông Thạch Sa R và bà Thạch Thị H vẫn sống chung với nhau, nhưng không có tài liệu, chứng cứ rõ ràng để kết luận rằng vào lúc đó, ông Thạch Sa R cư trú xã ĐC-là nơi có đất-để từ đó cho rằng đương sự phải biết việc bà Thạch Thị H chuyển nhượng đất cho người khác;

-Việc bà Thạch Thị H khai rằng số tiền chuyển nhượng đất vào năm 2005 (là 24.000.000 đồng), đương sự đã đưa cho ông Thạch Sa R, nhưng không có chứng cứ để chứng minh sự việc này, ngoài lời khai của chính bà Thạch Thị H. Trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của bà Thạch Thị H, là chưa đủ căn cứ pháp luật;

-Tại thời điểm xác lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (18/10/2005), Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật. Điều 258 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cho phép chủ sở hữu bất động sản được quyền đòi lại bất động sản từ người chiếm hữu ngay tình, ngoại trừ hai trường hợp: (1)Người chiếm hữu ngay tình nhận được tài sản thông qua bán đấu giá; (2)Người chiếm hữu ngay tình nhận được tài sản thông qua giao dịch với người mà theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền, là người chủ sở hữu tài sản, nhưng sau đó người này không phải là chủ sở hữu tài sản do bản án, quyết định bị hủy, sửa. Như vậy, trong trường hợp không đủ căn cứ để luận rằng ông Thạch Sa R biết được việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và không có ý kiến phản đối (theo Án lệ số 04/2016/AL của Hội đồng thẩm phán-Tòa án nhân dân tối cao), thì phải xem xét việc phân chia tài sản này bằng cách chia hiện vật cho đương sự, hoặc bằng cách khác, nhưng phải bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[3.2] Đối với tranh chấp về phần đất có diện tích 201m², thuộc các thửa số 1413, 1414, 1415, tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp Xoài Xiêm, xã NX, huyện TC, tỉnh Trà Vinh:

Theo biên bản định giá ngày 15/09/2015, thì phần đất này có giá trị là 350.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời khai của bà Thạch Thị H về tổng số tiền đã nhận khi chuyển nhượng đất (là 140.000.000 đồng) để phân chia bằng tiền cho ông Thạch Sa R, là chưa đúng pháp luật, chưa bảo đảm quyền lợi của ông Thạch Sa R.

[3.3] Về người phải chịu chi phí giám định chữ ký:

Bà Thạch Thị Hanh là người cho rằng chữ ký tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập vào ngày 18/10/2005 do ông Thạch Sa R ký ra. Kết quả giám định của cơ quan có thẩm quyền xác định rằng chữ ký đó không phải do ông Thạch Sa R ký ra. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Thạch Sa R phải chịu toàn bộ chi phí giám định chữ ký, là không đúng.

[4] Với những sai sót nói trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Sa R, hủy bản án sơ thẩm về phần chia tài sản.

Vì bản án sơ thẩm bị hủy nên phần giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm về chi phí thẩm định-định giá, chi phí giám định chữ ký và án phí có giá ngạch cũng sẽ bị hủy; những phần này sẽ được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 270; Điều 293; Điều 308; Điều 313 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh về Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/01/2016 về Án phí, Lệ phí Tòa án;

1/Chấp nhận kháng cáo của ông Thạch Sa R; hủy bản án sơ thẩm số 17/2018/HNGĐ-ST ngày 20/08/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh về

những phần như sau: -phần bản án giải quyết phân chia tài sản chung; phần bản án giải quyết về chi phí giám định chữ ký, về chi phí thẩm định-định giá tài sản, về án phí dân sự sơ thẩm (có giá ngạch).

2/Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/Về án phí phúc thẩm: đương sự không phải chịu. Trả lại cho ông Thạch Sa R số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0018182 ngày 27/08/2018 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh (1);
- Các đương sự (10);
- Lưu: hồ sơ (2), 20b (PTHH);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng